

# MỘT SỐ GIẢI PHÁP NÂNG CAO CHẤT LƯỢNG ÁP DỤNG PHÁP LUẬT TRONG HOẠT ĐỘNG XÉT XỬ CỦA TÒA ÁN HIỆN NAY

## *1. Ban hành mới, sửa đổi, bổ sung và giải thích, hướng dẫn kịp thời các văn bản quy phạm pháp luật để có cơ sở áp dụng pháp luật*

Trong thời gian qua, Nhà nước ta đã có những cố gắng rất lớn trong việc ban hành các văn bản luật. Nếu như trước đây, trong 04 năm (từ 1987 đến 1990) Quốc hội chỉ ban hành 24 luật thì nay, chỉ tính trong năm 2003, Quốc hội đã ban hành được 17 văn bản luật trên các lĩnh vực của đời sống xã hội. Trong đó có những văn bản Luật rất quan trọng như Luật Đất đai sửa đổi, Bộ luật tố tụng hình sự sửa đổi, Luật Hoạt động giám sát của Quốc hội, Luật Kế toán, Luật Thống kê... Tuy nhiên, trước yêu cầu mới về một hệ thống pháp luật hoàn chỉnh, Nhà nước ta cần phải đẩy mạnh hơn nữa việc xây dựng và ban hành các văn bản luật đủ để điều chỉnh các quan hệ xã hội trong việc thực hiện các quyền cơ bản của công dân và trong lĩnh vực hoạt động tư pháp. Trước yêu cầu đổi mới của đất nước, việc ban hành các văn bản pháp luật thực sự đã trở thành nhu cầu bức xúc của đời sống xã hội. Trong điều kiện chính sách mở cửa, hội nhập quốc tế, quan hệ kinh tế, thương mại, đầu tư giữa nước ta với các nước láng giềng, các nước trong khu vực và các nước trên thế giới ngày càng tăng và ngày càng được mở rộng. Đặc biệt, trong thời gian vừa qua và hiện nay, Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam đã ký kết và gia nhập nhiều điều ước quốc tế và đang trong quá trình chuẩn bị gia nhập Tổ chức Thương mại thế giới (WTO) thì việc xây dựng và hoàn thiện hệ thống pháp luật lại càng đặt ra một cách cấp bách. Việc thiếu vắng văn bản quy phạm pháp luật trong một lĩnh vực nào đó đồng nghĩa với việc buông lỏng sự quản lý của Nhà nước và là mảnh đất của sự tự do vô chính phủ, duy ý chí, vi phạm quyền dân chủ của nhân dân và pháp chế xã hội chủ nghĩa. Tất nhiên, văn bản quy phạm pháp luật được ban hành phải phản ánh nhu cầu điều chỉnh của các quan hệ xã hội, có tính khả thi và hữu ích. Việc "phủ sóng" văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực của đời sống xã hội sẽ trở thành vô nghĩa, thậm chí còn gây tác hại cho xã hội, khi các quy phạm pháp luật chỉ là những điều quy định "cứng đờ", lạc hậu và không thể thi hành được. Một Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân không chỉ đòi hỏi một hệ thống pháp luật đầy đủ, thống nhất và hoàn thiện mà còn phải

có chất lượng cao và ổn định để thực sự trở thành những quy tắc xử sự chung, mẫu mực cho mọi người trong cuộc sống thường ngày.

Bên cạnh việc ban hành mới văn bản luật, Nhà nước cần chú trọng đến việc tổ chức tổng kết, đánh giá việc thực hiện các văn bản luật đã ban hành một cách toàn diện và đầy đủ nhằm kịp thời đề xuất, sửa đổi, bổ sung, bãi bỏ những quy phạm pháp luật lỗi thời, lạc hậu, không được cuộc sống chấp nhận. Thực tiễn hiện nay, công tác sơ kết, tổng kết đánh giá việc tổ chức thực hiện một văn bản quy phạm pháp luật thường được các cơ quan, các ngành và các địa phương tiến hành với nội dung giống như tổng kết thi hành một chủ trương của Đảng, một phong trào thi đua sau khi phát động mà chưa chú trọng đúng mức đến việc đánh giá hiệu quả của quy phạm pháp luật đã tác động thế nào đến đời sống xã hội. Ví dụ, việc tổng kết 3 năm thi hành Luật khiếu nại tố cáo vừa qua, thực tế ở các địa phương thường tiến hành thống kê: đã giải quyết bao nhiêu khiếu nại và tố cáo; còn tồn đọng bao nhiêu vụ khiếu nại, bao nhiêu vụ tố cáo; khiếu nại ở lĩnh vực nào là nhiều và đề ra phương hướng để giải quyết các vụ khiếu nại, tố cáo tồn đọng v.v... mà không chú trọng đến việc so sánh hiệu quả của văn bản Luật khiếu nại, tố cáo năm 1998 với Pháp lệnh khiếu nại và tố cáo trước kia ra sao; những vấn đề đặt ra để hoàn chỉnh văn bản Luật hiện tại; những vấn đề vướng mắc khi thực hiện vì Luật chưa đề cập hoặc quy định không rõ ràng v.v... Nếu việc tổng kết, đánh giá thực tiễn thi hành các văn bản pháp luật được tiến hành không kịp thời hoặc không toàn diện thì các quy phạm pháp luật lỗi thời, lạc hậu vẫn còn tồn tại sẽ gây ra những tác hại cho các quan hệ xã hội cần được pháp luật điều chỉnh và nó trở thành những "rào cản" đối với sự phát triển của xã hội. Việc sửa đổi văn bản pháp luật cũng cần tránh tình trạng sửa đổi đơn lẻ hoặc chỉ sửa đổi những vấn đề mà ban soạn thảo cho rằng "bức xúc", còn lại những vấn đề khác thì sẽ "xét sau", dẫn đến việc một văn bản pháp luật phải sửa đổi, bổ sung nhiều lần gây lãng phí tiền của, công sức và thời gian không cần thiết.

Đất nước ta đang trong tình trạng đổi mới theo đường lối đúng đắn và sáng suốt của Đảng. Nhiều quan hệ xã hội mới hình thành và phát triển cùng với sự thay đổi một số chính sách cụ thể trong khi văn bản Luật lại cần có tính khái quát cao, định ra những quy định chung nhất và phổ biến nhất từ những vấn đề cụ thể. Khi nghiên cứu về vấn đề này, một số ý kiến cho rằng văn bản Luật chỉ cần quy định những vấn đề có tính nguyên tắc chung còn những vấn đề cụ thể dễ bị thay đổi thì nên để cho các văn bản dưới luật như Nghị định,

Thông tư quy định thì sẽ tránh được tình trạng phải sửa đổi nhiều lần. Nhưng nếu như vậy thì văn bản Luật sau khi ban hành sẽ chậm đi vào cuộc sống vì phải chờ Nghị định, Thông tư... hướng dẫn, quy định cụ thể. Ví dụ, Luật xây dựng [40] do Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 4 vừa thông qua phải có đến gần 20 Nghị định của Chính phủ quy định chi tiết, cũng tương tự như vậy, Luật thủy sản [39] phải chờ 9 Nghị định của Chính phủ và 19 Thông tư của Bộ Thủy sản mới có thể thi hành được. Một số ý kiến khác lại cho rằng văn bản Luật cần có những quy định chung và những quy định cụ thể để khắc phục tình trạng Luật chờ Nghị định, Nghị định lại chờ Thông tư... nhưng như vậy thì văn bản luật phải được xem xét để sửa đổi, bổ sung liên tục. Nên chăng, Luật quy định những vấn đề chung và cả những vấn đề cụ thể mang tính ổn định, còn những vấn đề đang biến động và dự báo là có biến động thì nên để cho các văn bản dưới Luật quy định và cơ quan soạn thảo Luật cần chuẩn bị các văn bản thi hành Luật ngay khi trình thông qua văn bản Luật. Đối với các vấn đề và các quan hệ xã hội đang còn nhiều thay đổi và chuyển biến, sau một thời gian nhất định được điều chỉnh bằng văn bản dưới Luật, sẽ ổn định và sẽ được nghiên cứu để điều chỉnh bằng văn bản Luật thông qua hoạt động rà soát, sửa đổi, bổ sung văn bản Luật của các cơ quan nhà nước có thẩm quyền. Có như vậy thì văn bản Luật có điều kiện để đi vào ngay cuộc sống khi ban hành. Bên cạnh đó thì Nhà nước cần quan tâm đến công tác giải thích chính thức pháp luật để tạo lập một cách hiểu thống nhất và chính xác trong quá trình áp dụng pháp luật. Giải thích pháp luật nói chung và giải thích chính thức các quy phạm pháp luật là công việc hết sức cần thiết để đưa các quy phạm pháp luật vào đời sống xã hội. Nếu được quan tâm đúng mức, công tác giải thích pháp luật sẽ góp phần rất lớn vào việc nhận thức đúng, chính xác và thống nhất bản chất chính trị pháp lý của nội dung quy phạm pháp luật khi tiến hành các hoạt động áp dụng pháp luật.

Với một hệ thống văn bản pháp luật đầy đủ và được nhận thức, được hướng dẫn thi hành một cách thống nhất, kịp thời phù hợp với yêu cầu thực tiễn của đời sống xã hội thì việc áp dụng pháp luật nói chung và áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân sẽ có đầy đủ cơ sở pháp lý, có đủ điều kiện cần thiết để các chủ thể áp dụng pháp luật có thể cân nhắc, chọn lựa quy phạm pháp luật phù hợp. Đặc biệt, trong hoạt động xét xử của Tòa án, nếu các quy phạm pháp luật được ban hành đầy đủ; nội dung quy phạm pháp luật được giải thích,

hướng dẫn kịp thời và thống nhất thì chất lượng áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử chắc chắn sẽ được bảo đảm và được nâng cao hơn. Người Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân sẽ không rơi vào tình trạng lúng túng và phân vân vì thiếu văn bản quy phạm pháp luật để làm căn cứ áp dụng hoặc trước những quy phạm pháp luật chung chung, trừu tượng "hiểu thế nào cũng được". Điều đó cũng có ý nghĩa thiết thực đối với việc khắc phục tình trạng chủ quan, tùy tiện, thiếu thống nhất khi ban hành bản án, quyết định trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân ở nước ta hiện nay.

## ***2. Coi trọng công tác tổng kết kinh nghiệm xét xử để hoạt động áp dụng pháp luật của Tòa án sát thực tiễn hơn***

Một trong những nhiệm vụ, quyền hạn quan trọng của Tòa án nhân dân tối cao và Tòa án nhân dân cấp tỉnh đã được pháp luật quy định là tổng kết kinh nghiệm xét xử của các Tòa án mà cụ thể là Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao và Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp tỉnh phải có trách nhiệm tổ chức thực hiện. Đã từ rất lâu, việc tổng kết kinh nghiệm xét xử của ngành Tòa án nhân dân nước ta đã trở thành việc làm rất quen thuộc và rất có hiệu quả.

Tổng kết kinh nghiệm xét xử của Tòa án nhân dân hoàn toàn không giống với việc tổng kết công tác tháng, quý, sáu tháng, một năm... của các cơ quan nhà nước khác. Tổng kết công tác năm của các cơ quan nhà nước khác là đánh giá, kiểm điểm trong năm làm được những gì; những gì là ưu điểm; những gì là nhược điểm, tìm ra nguyên nhân, đề ra giải pháp và phương hướng phấn đấu trong năm tới. Tổng kết kinh nghiệm xét xử là tổng kết việc áp dụng pháp luật trong hệ thống cơ quan Tòa án theo những chủ đề nhất định và trong một thời gian nhất định. Tổng kết kinh nghiệm xét xử thường được Tòa án nhân dân cấp tỉnh, đặc biệt là Tòa án nhân dân tối cao tiến hành trong toàn ngành với những vấn đề chung nhất như nêu các bản án, quyết định đúng đắn, chính xác, có tính mẫu mực để toàn ngành học tập và những bản án, quyết định đã ban hành chưa chính xác, chưa thỏa đáng, còn có những sai lầm trong xem xét đánh giá chứng cứ, trong việc chọn quy phạm pháp luật để rút kinh nghiệm. Tổng kết kinh nghiệm xét xử cũng có thể được tiến hành theo chuyên đề về từng loại án hoặc một vấn đề, một chế định hoặc đường lối để xét xử một loại tội nhất định. Ví dụ: tổng kết kinh nghiệm xét xử các quyết định thu hồi đất trong loại án hành chính; các hành vi tranh chấp dân sự phát

sinh từ việc chơi họ (hụi, huê); đường lối chung để xét xử các loại tội danh giết người, cố ý gây thương tích, tội cố ý làm trái các quy định của Nhà nước về quản lý kinh tế v.v... Mốc thời gian tiến hành tổng kết kinh nghiệm xét xử thường là một năm, ba năm, năm năm hoặc mười năm. Địa bàn tổng kết kinh nghiệm xét xử cũng có thể là chung trong cả nước nhưng cũng có thể bao gồm các địa phương thụ lý và xét xử nhiều cùng một loại án, một loại tội danh hoặc theo địa bàn: miền núi, thành phố, thị xã hoặc ở nông thôn, miền trung du, miền biển.

Việc tổng kết kinh nghiệm xét xử là việc tiến hành đánh giá lại các quá trình áp dụng pháp luật để ban hành bản án, quyết định của Tòa án nhân dân đã thực hiện trong thời gian qua và hình thành những quan điểm lý luận, những hướng dẫn chung được đúc kết từ thực tiễn áp dụng pháp luật để bảo đảm mọi quyết định và bản án được ban hành từ một chuẩn chung là pháp luật. Tổng kết kinh nghiệm xét xử bao gồm cả việc xem xét, đánh giá kỹ năng nghiên cứu hồ sơ, tài liệu vụ án của Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân; kỹ năng tìm và chọn lựa quy phạm pháp luật phù hợp để giải quyết những yêu cầu của vụ án và cả kỹ năng thực hiện các thao tác bắt buộc của quy trình tố tụng khi xét xử như xét hỏi, điều khiển tranh luận, nghị án và ban hành bản án, quyết định của Tòa án nhân dân. Công tác tổng kết kinh nghiệm xét xử giúp cho ngành Tòa án nhân dân có điều kiện tìm ra những nguyên nhân xét xử đúng pháp luật và cả nguyên nhân sai lầm khi áp dụng các quy phạm pháp luật. Có những bản án, quyết định sai do tài liệu chứng cứ thu thập chưa đầy đủ nên người áp dụng pháp luật chưa tìm ra sự thật khách quan của vụ án. Có những bản án oan sai do chọn nhầm quy phạm pháp luật để áp dụng trong khi các tài liệu, chứng cứ đã thu thập đầy đủ. Có những vụ án sai do Thẩm phán, Hội thẩm Tòa án nhân dân đã không tuân thủ các quy định của pháp luật tố tụng hoặc do thiếu trách nhiệm, do chủ quan hoặc do bị thiên lệch vì những lý do cá nhân, tiêu cực.

Qua công tác tổng kết kinh nghiệm xét xử, chúng ta cũng sẽ có những cứ liệu bổ ích và đầy sinh động về "sức sống" của các quy phạm pháp luật sau khi được Nhà nước ban hành. Những quy phạm pháp luật nào phát huy tác dụng tốt, những quy phạm pháp luật nào còn mang tính chung chung, trừu tượng khó thực hiện; những quy phạm pháp luật nào quy định quá cụ thể, cứng nhắc không đáp ứng được yêu cầu của cuộc sống sinh động của xã hội. Từ đó, chúng ta có những cơ sở thực tế để đề nghị xem xét, sửa đổi, bổ sung, hủy bỏ, giải thích, hướng dẫn

những quy phạm pháp luật nhằm không ngừng nâng cao tính khả thi của các quy phạm pháp luật khi được ban hành.

Cũng qua công tác tổng kết kinh nghiệm xét xử, Thẩm phán có những bài học bổ ích để nâng cao kỹ năng áp dụng pháp luật trong quá trình xét xử các loại án, tránh những bản án oan sai gây ra những hậu quả đáng tiếc cho xã hội. Những bản án đúng; những nhận định và lập luận sắc sảo, chính xác để ra các bản án, quyết định khi xét xử; những phương pháp xử lý tình huống thông minh, đúng pháp luật khi tiến hành phiên tòa v.v... sẽ giúp cho người Thẩm phán có những bài học mẫu được đúc kết từ thực tiễn để ứng dụng trong công tác xét xử của mình. Những sai lầm của việc áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử; những khiếm khuyết trong việc tổ chức và điều khiển phiên tòa; những bản án và quyết định chưa đúng pháp luật; chưa hợp tình, hợp lý v.v... cũng là những bài học bổ ích trong hoạt động xét xử của người Thẩm phán.

Qua phân tích như đã nêu trên, chúng ta có thể nhận thấy việc tổng kết kinh nghiệm xét xử đặc biệt là việc tổng kết kinh nghiệm xét xử theo chuyên đề có một ý nghĩa rất quan trọng về mặt lý luận lẫn thực tiễn trong việc nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án nói riêng và trong công tác xây dựng, hoàn thiện các quy phạm pháp luật, nói chung. Để tạo điều kiện cho Tòa án nhân dân tối cao có điều kiện thực hiện tốt nhiệm vụ và quyền hạn rất quan trọng này, việc tăng thẩm quyền của Tòa án cấp huyện xét xử các loại án hình sự, dân sự hiện nay là một chủ trương hoàn toàn đúng đắn của Đảng và Nhà nước ta. Có như vậy, Tòa án nhân dân tối cao mới có điều kiện cần thiết để giảm "gánh nặng" xét xử phúc thẩm, tập trung vào công tác kiểm tra, giám đốc xét xử, tổng kết kinh nghiệm xét xử và hướng dẫn áp dụng pháp luật thống nhất trong toàn ngành.

Chính việc áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân diễn ra hàng ngày với tính sinh động và phong phú hiện nay đã và đang đặt ra yêu cầu cho công tác tổng kết kinh nghiệm xét xử phải được tiến hành nhiều hơn, thường xuyên hơn và có chất lượng cao hơn. Muốn vậy, ngoài việc Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao tiến hành tổng kết kinh nghiệm xét xử ở diện rộng đối với các chuyên đề mang tính phổ biến chung thì cần coi trọng việc tổ chức tổng kết kinh nghiệm xét xử do Ủy ban Thẩm phán Tòa án nhân dân 64 tỉnh, thành phố tiến hành. Các văn bản tổng kết kinh nghiệm xét xử

không chỉ lưu hành trong nội bộ từng tỉnh và không chỉ gửi Tòa án nhân dân tối cao "để báo cáo" mà cần được lưu hành ở các Tòa án nhân dân trong phạm vi toàn quốc, Học viện Tư pháp, các cơ sở đào tạo, bồi dưỡng nghiên cứu khoa học pháp lý. Các bản án oan, sai trong thời gian vừa qua cần được tập hợp và nghiên cứu để tìm ra nguyên nhân và phổ biến trong toàn ngành vì đó là những bài học bổ ích không chỉ dành riêng cho một Tòa án hay một Thẩm phán cụ thể nào. Tổng kết kinh nghiệm xét xử của Tòa án nhân dân cần được coi là một "nguồn" để xây dựng các quy phạm pháp luật vì nó là kết quả, là kinh nghiệm áp dụng pháp luật qua thực tiễn xét xử. Pháp luật nước ta không thừa nhận án lệ, không coi bản án, quyết định của Tòa án là "khuôn mẫu" để áp dụng trực tiếp nhưng kinh nghiệm thực tiễn xét xử được đúc kết phải trở thành một trong những "nguồn" để các nhà làm luật xem xét, cân nhắc và lựa chọn khi xây dựng pháp luật. Tuy nhiên, để đáp ứng yêu cầu thực tiễn áp dụng pháp luật một cách kịp thời và nhanh nhất trong khi chờ những thủ tục đề trình những kiến nghị đến các cơ quan có thẩm quyền sửa đổi, bổ sung các quy phạm pháp luật, Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao cần tăng cường hơn nữa việc ban hành các nghị quyết, hướng dẫn, giải thích thi hành pháp luật từ việc tổng kết thực tiễn xét xử về những vấn đề không trái với nội dung của quy phạm pháp luật. Đồng thời, với việc ban hành nghị quyết của Hội đồng Thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân tối cao cần tập hợp những kiến nghị, đề xuất qua thực tiễn xét xử để trình các cơ quan có thẩm quyền xem xét ban hành mới hoặc sửa đổi, bổ sung các văn bản luật nhằm đưa các quy phạm pháp luật đi sát hơn với đời sống xã hội, phục vụ kịp thời nhiệm vụ chính trị trong từng giai đoạn lịch sử của đất nước.

**TTBD ĐBDC**

### ***3. Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của cơ quan Tòa án để nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử***

Ngoài việc nêu yêu cầu đổi mới tổ chức Tòa án nhân dân tối cao, Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân cấp huyện, Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị còn đặc biệt nhấn mạnh đến việc đổi mới hoạt động xét xử của cơ quan Tòa án như sau:

Khi xét xử, các Tòa án phải bảo đảm cho mọi công dân đều bình đẳng trước pháp luật, thực sự dân chủ, khách quan; thẩm phán và hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; việc phán quyết của Tòa án phải căn cứ chủ yếu vào kết

quả tranh tụng tại phiên tòa, trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện các chứng cứ, ý kiến của kiểm sát viên, của người bào chữa, bị cáo, nhân chứng, nguyên đơn, bị đơn và những người có quyền, lợi ích hợp pháp để ra những bản án, quyết định đúng pháp luật, có sức thuyết phục và trong thời hạn pháp luật quy định.

Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động của các cơ quan tư pháp trong đó có cơ quan Tòa án nhân dân là một trong những nội dung mà Đảng và Nhà nước ta đang rất quan tâm nhằm không ngừng nâng cao hiệu quả hoạt động của cơ quan Tòa án và các cơ quan tư pháp.

Hướng đổi mới là nâng cao năng lực xét xử cho Tòa án nhân dân cấp huyện để Tòa án nhân dân cấp huyện trở thành cơ quan xét xử sơ thẩm là chủ yếu, Tòa án nhân dân cấp tỉnh xét xử phúc thẩm là chủ yếu và Tòa án nhân dân tối cao xét xử giám đốc thẩm, tổng kết kinh nghiệm xét xử và hướng dẫn áp dụng pháp luật thống nhất trong toàn ngành. Muốn vậy, điều quan trọng hiện nay là phải tăng cường đội ngũ cán bộ Tòa án nhân dân, đặc biệt là đội ngũ Thẩm phán các Tòa án nhân dân địa phương; trang bị kịp thời cơ sở vật chất, phương tiện cần thiết cho Tòa án nhân dân cấp huyện; thực hiện việc mở rộng thẩm quyền xét xử và có bước đi thích hợp cho Tòa án nhân dân cấp huyện theo Nghị quyết của Quốc hội để thi hành Bộ luật tố tụng hình sự sửa đổi năm 2003 và Bộ luật tố tụng dân sự. Theo Nghị quyết của Quốc hội về việc thi hành Bộ luật tố tụng hình sự đã được Quốc hội khóa XI, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 18/11/2003 thì kể từ ngày 01/7/2004 các Tòa án nhân dân cấp huyện có đủ điều kiện được thực hiện ngay việc mở rộng thẩm quyền xét xử án hình sự. Các Tòa án nhân dân cấp huyện chưa đủ điều kiện thì chậm nhất đến ngày 01/7/2009 phải thực hiện việc mở rộng thẩm quyền xét xử án hình sự theo quy định tại Điều 170 Bộ luật tố tụng hình sự sửa đổi [6]. Trong lĩnh vực xét xử án dân sự, các Tòa án cấp huyện cũng sẽ được mở rộng thẩm quyền xét xử phù hợp với tình hình nhiệm vụ và yêu cầu mới theo quy định của Bộ luật tố tụng dân sự vừa được Quốc hội thông qua ngày 16-6-2004 [7]. Như vậy, công tác tổ chức của cơ quan Tòa án nhân dân cũng cần được đổi mới nhằm phục vụ kịp thời yêu cầu nhiệm vụ mới. Số lượng và chất lượng Thẩm phán Tòa án nhân dân cấp huyện phải tăng và yêu cầu cao hơn nhiều so với hiện nay. Về tổ chức các tòa chuyên trách của Tòa án nhân dân cấp huyện cũng cần được đặt ra để nghiên cứu nhằm đáp ứng tốt nhất việc mở rộng thẩm quyền của Tòa án nhân dân cấp huyện trong việc xét xử sơ thẩm hầu hết các loại án. Tòa án nhân dân



cấp tỉnh tổ chức thực hiện việc xét xử phúc thẩm là chủ yếu, trong đó có việc sắp xếp lại các tòa chuyên trách sao cho phù hợp với thẩm quyền xét xử mới phúc thẩm là chủ yếu và thi hành Bộ luật tố tụng dân sự bao gồm cả xét xử án dân sự, án hôn nhân và gia đình, án lao động, án kinh tế. Việc tách việc dân sự ra khỏi vụ án dân sự, việc hôn nhân gia đình ra khỏi vụ án hôn nhân gia đình; việc kinh tế ra khỏi vụ án kinh tế; việc lao động ra khỏi vụ án lao động là hoàn toàn cần thiết để phân biệt rạch ròi công tác xét xử các tranh chấp của Tòa án khác với việc Tòa án công nhận hay không công nhận một sự kiện pháp lý làm căn cứ phát sinh quyền và nghĩa vụ chủ thể trong các lĩnh vực dân sự, hôn nhân gia đình, kinh tế và lao động. Cũng từ đó, việc định ra các thủ tục xét xử hay công nhận cho phù hợp là rất quan trọng, sao cho vừa bảo đảm tính hiệu quả, vừa bảo đảm tính nhanh, gọn và chính xác.

Bên cạnh đó, thực tiễn hoạt động của Tòa hành chính từ ngày 01/7/1996 đến nay đã cho chúng ta một nhận xét là: muốn bảo đảm nguyên tắc "khi xét xử Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật" khi xét xử các quyết định hành chính và hành vi hành chính của cơ quan hành pháp thì phải có cách thiết kế mô hình tổ chức Tòa hành chính sao cho Thẩm phán và cả Hội thẩm Tòa án nhân dân không phải "lo lắng" khi xét xử. Thực tiễn xét xử án hành chính trong thời gian qua cần được tổng kết không chỉ về việc áp dụng pháp luật khi xét xử các hành vi hành chính và quyết định hành chính của cơ quan Tòa án Tòa án nhân dân mà còn về cả mô hình tổ chức của Tòa hành chính với góc độ là một Tòa chuyên trách thuộc Tòa án nhân dân. Chỉ qua công tác tổng kết mới có thể đánh giá một cách toàn diện và chính xác những gì đã đạt được và những gì chưa được qua tám năm hoạt động của Tòa hành chính trong cả nước. Việc Nhà nước tiếp tục chuyển giao, mở rộng thẩm quyền về loại việc cho Tòa hành chính hiện nay đã và đang đặt ra yêu cầu cấp bách cho việc sửa đổi và hoàn thiện tổ chức của Tòa hành chính. Nên chăng, cần tiếp tục khẳng định Tòa hành chính là một tòa chuyên trách của Tòa án nhân dân, nhưng cách thiết kế không giống với các tòa chuyên trách khác. Do đặc điểm của việc xét xử các quyết định hành chính và hành vi hành chính cụ thể của đất nước ta. Cách thức tổ chức Tòa hành chính có thể theo hướng Tòa hành chính cấp trên xét xử quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính cấp dưới. Ví dụ như Tòa hành chính Tòa án nhân dân tối cao xét xử quyết định hành chính và hành vi hành chính của cơ quan hành chính cấp tỉnh

trở lên; Tòa hành chính Tòa án nhân dân cấp tỉnh xét xử quyết định hành chính, hành vi hành chính của cơ quan hành chính cấp huyện v.v...

Việc đổi mới tổ chức và hoạt động của cơ quan Tòa án nhân dân còn bao hàm cả việc sửa đổi các quy định về thủ tục tố tụng sao cho thời gian giải quyết vụ án nhanh hơn, việc thực hiện các quy trình pháp luật tố tụng vừa bảo đảm tính dân chủ, vừa bảo đảm tính pháp chế hơn, và hoạt động của cơ quan Tòa án nhân dân gần dân hơn. Việc đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân không có nghĩa là sửa đổi các quy phạm pháp luật tố tụng, biến Tòa án nhân dân thành cơ quan trọng tài chỉ để đơn thuần phán xét công tố buộc tội có lý hơn hay bào chữa gỡ tội có lý hơn mà rời xa nhiệm vụ của một Tòa án nhân dân: vừa bảo đảm không làm oan người vô tội và cũng không được phép bỏ lọt tội phạm. Tòa án nước ta là Tòa án nhân dân. Tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân không thể tách rời và biệt lập với tổ chức và hoạt động của cơ quan điều tra và cơ quan công tố bởi vì cùng thực hiện một nhiệm vụ chung là bảo vệ pháp luật, bảo vệ lợi ích của Nhà nước, bảo vệ quyền dân chủ của công dân, bảo vệ nền pháp chế xã hội chủ nghĩa. Trách nhiệm chứng minh tội phạm và trách nhiệm chứng minh một người không phạm tội vẫn thuộc về các Cơ quan điều tra, Viện kiểm sát và Cơ quan Tòa án, chứ không chỉ là trách nhiệm riêng của một cơ quan nào. Việc bỏ thẩm quyền giám đốc thẩm sửa bản án, quyết định sơ thẩm, phúc thẩm đã có hiệu lực không chỉ thực hiện trong việc xét xử các vụ án hình sự mà còn áp dụng cho tất cả các loại án dân sự, hành chính để bảo đảm nguyên tắc hai cấp xét xử trong hoạt động của cơ quan Tòa án nhân dân.

Việc đổi mới tổ chức và hoạt động của cơ quan Tòa án nhân dân phải được tiến hành từng bước phù hợp và luôn luôn bảo đảm là cơ quan thể hiện quyền uy của Nhà nước cho việc thực hiện quyền phán xét, phân xử; là nơi thực hiện công lý xã hội chủ nghĩa một cách chính xác và khách quan. Mặt khác, việc đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân phải nhằm nâng cao sự tín nhiệm của nhân dân đối với hoạt động của cơ quan Tòa án, sự gần gũi tin yêu của nhân dân lao động đối với Thẩm phán, cán bộ công chức của ngành Tòa án nhân dân.

Ngoài ra, việc quan tâm trang bị cơ sở vật chất, trang bị các phương tiện khoa học kỹ thuật nhằm phục vụ tốt nhất cho hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân góp phần rất quan trọng và không thể thiếu được vào việc đổi mới tổ chức và hoạt động của Tòa án nhân dân, nâng cao chất lượng xét xử các loại án của

Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân. Việc trang bị cơ sở vật chất cho cơ quan Tòa án như trụ sở, phòng xử án, máy tính, đèn chiếu, camera, máy chụp ảnh, bàn ghế... là những điều kiện hết sức cần thiết nhằm giúp cho người Thẩm phán, người Hội thẩm Tòa án nhân dân nghiên cứu hồ sơ nhanh chóng và chính xác; giúp cho việc tổ chức điều khiển phiên tòa đạt các yêu cầu của việc xác định sự thật khách quan của vụ án. Việc sử dụng đèn chiếu trong quá trình xét hỏi vụ án Năm Cam trong phiên tòa phúc thẩm vừa qua đã giúp cho Hội đồng xét xử rút ngắn được thời gian tiến hành phiên tòa và làm cho các bị cáo tâm phục, khẩu phục, thừa nhận hành vi phạm tội do mình đã thực hiện. Đồng thời nhân dân và công luận cũng nhận thấy được những bằng chứng cụ thể chứng minh tính khách quan và công minh về hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân. Để thi hành Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và Bộ luật tố tụng dân sự, trong thời gian tới, việc trang bị cơ sở vật chất, các phương tiện kỹ thuật cho Tòa án các cấp, đặc biệt là cho Tòa án nhân dân cấp huyện cần phải được Nhà nước đặc biệt quan tâm thì mới có thể đáp ứng được yêu cầu thực tiễn của công tác xét xử các loại án. Việc cải tiến, sắp xếp bộ máy tinh gọn cần phải gắn liền với việc đầu tư trang bị cơ sở vật chất và đầu tư thích đáng cho đội ngũ Thẩm phán, cán bộ công chức ngành Tòa án nhân dân thì mới đảm bảo tính đồng bộ và tính hiệu quả cao.

Qua phân tích như đã nêu trên, chúng ta có thể nhận thấy rằng, việc đổi mới tổ chức và hoạt động của cơ quan Tòa án nhân dân là điều kiện không thể thiếu được để không ngừng nâng cao năng lực xét xử, nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân ở nước ta trong giai đoạn hiện nay, để cơ quan Tòa án nhân dân thực sự là cơ quan thực thi công lý, công bằng xã hội chủ nghĩa, để hoạt động của Tòa án nhân dân thực sự là hoạt động trung tâm của nền tư pháp nước ta.

#### ***4. Không ngừng xây dựng và phát triển đội ngũ Thẩm phán - lực lượng chủ yếu của hoạt động áp dụng pháp luật***

Chất lượng đội ngũ Thẩm phán luôn luôn là vấn đề mà Đảng, Nhà nước và xã hội quan tâm. Để bảo đảm việc xây dựng và phát triển đội ngũ Thẩm phán chúng ta cần quan tâm đến những vấn đề, những yếu tố tạo thành tư cách của người Thẩm phán như bản lĩnh chính trị, đạo đức phẩm chất, sự am hiểu đời

sống xã hội, vốn sống và kinh nghiệm thực tiễn, trình độ nhận thức pháp luật và kỹ năng nghề nghiệp.

Trình độ nhận thức chính trị, ý thức giác ngộ chính trị của người Thẩm phán có vai trò cực kỳ quan trọng trong việc hình thành lý tưởng sống và lập trường tư tưởng của cá nhân người Thẩm phán. Trước tiên, việc thấm nhuần chủ nghĩa Mác - Lênin và tư tưởng Hồ Chí Minh sẽ giúp cho người Thẩm phán có một thế giới quan khoa học, một nhân sinh quan cộng sản; sống, làm việc và cống hiến phục vụ Đảng, phụng sự Tổ quốc và nhân dân, hiểu được bản chất của pháp luật là ý chí của giai cấp công nhân và nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng cộng sản Việt Nam trong quá trình thực hiện mục tiêu "*Dân giàu, nước mạnh, xã hội công bằng, dân chủ, văn minh*". Lập trường tư tưởng chính trị vững vàng của người Thẩm phán sẽ là tiền đề vững chắc bảo đảm cho hoạt động áp dụng pháp luật khi xét xử đúng với đường lối của Đảng và pháp luật của Nhà nước. Vai trò ý thức chính trị của người Thẩm phán đặc biệt phát huy khi phải áp dụng pháp luật trong điều kiện quy phạm pháp luật chưa kịp ban hành hoặc ban hành chưa đầy đủ. Chính ý thức chính trị có ở mỗi Thẩm phán là nhân tố "thường trực" nhắc nhở khi tiến hành các hoạt động áp dụng pháp luật, người Thẩm phán không rơi vào tình trạng "pháp luật đơn thuần", máy móc, tách rời các quy phạm pháp luật với các lợi ích của Đảng, Nhà nước và nhân dân. ý thức chính trị ở trình độ cao của người Thẩm phán không chỉ là nhân tố để bảo đảm các quy phạm pháp luật được áp dụng đúng đắn và chính xác mà còn giúp cho người Thẩm phán có được những bản lĩnh để xử lý các tình huống thực tiễn một cách nhanh chóng và sáng tạo. Chính vì vậy, một trong những tiêu chuẩn quan trọng trước tiên để xem xét bổ nhiệm Thẩm phán theo Điều 5 Pháp lệnh Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân là phải "*Trung thành với Tổ quốc và Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam*" [75].

Đạo đức cách mạng là cơ sở quan trọng tạo nên nhân cách của người Thẩm phán và xác lập chỗ đứng của người Thẩm phán trong xã hội. Đạo đức, phẩm chất của người Thẩm phán bao gồm những đức tính trung thực, thẳng thắn, lòng nhân ái, sự dũng cảm, tính công bằng, tinh thần trách nhiệm, sự tự tin, dám nghĩ, dám làm, dám chịu trách nhiệm có ảnh hưởng rất lớn đến hoạt động áp dụng pháp luật khi xét xử. Theo lời Bác Hồ dạy thì đạo đức cách mạng quy tụ vào năm đức tính tốt như sau:

1. **Nhân** là thật thà thương yêu, hết lòng giúp đỡ đồng chí và đồng bào. Vì thế mà kiên quyết chống lại những người, những việc có hại đến Đảng, đến nhân dân. Vì thế mà sẵn lòng chịu cực khổ trước mọi người, hưởng hạnh phúc sau thiên hạ. Vì thế mà không ham giàu sang, không e cực khổ, không sợ uy quyền.

Những người đã không ham, không e, không sợ gì thì việc gì là việc phải, họ đều làm được.

2. **Nghĩa** là người ngay thẳng, không có tư tâm, không làm việc bậy, không có việc gì phải giấu Đảng. Ngoài lợi ích của Đảng, không có lợi ích riêng phải lo toan. Lúc Đảng giao cho việc gì thì bất kỳ to, nhỏ đều ra sức làm cẩn thận. Thấy việc thì làm, thấy việc phải thì nói. Không sợ người ta phê bình mình, mà phê bình người khác cũng luôn luôn đúng đắn.

3. **Trí**, vì không có việc tư túi nó làm mù quáng cho nên đầu óc trong sạch, sáng suốt. Dễ hiểu lý luận. Dễ tìm phương hướng. Biết xem người, biết xét việc. Vì vậy, mà biết làm việc có lợi, tránh việc có hại cho Đảng, biết vì Đảng mà cất nhắc người tốt, đề phòng người gian.

4. **Dũng** là dũng cảm, gan góc, gặp việc phải có gan làm. Thấy khuyết điểm có gan sửa chữa. Cực khổ, khó khăn, có gan chịu đựng. Có gan chống lại những sự vinh hoa, phú quý không chính đáng. Nếu cần, có gan hy sinh cả tính mệnh cho Đảng, cho Tổ quốc, không bao giờ rụt rè, nhút nhát.

5. **Liêm** là không tham địa vị. Không tham tiền tài. Không tham sung sướng. Không ham người tâng bốc mình. Vì vậy mà quang minh chính đại, không bao giờ hủ hóa. Chỉ có một thứ ham là ham học, ham làm, ham tiến bộ.

Người Thẩm phán học tập và làm theo năm đức tính nêu trên như Bác Hồ đã dạy sẽ có đủ tư cách đạo đức và bản lĩnh chính trị cần thiết để phục vụ nhiệm vụ xét xử, phụng sự Tổ quốc và nhân dân ngày càng tốt hơn.

Áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử là xem xét tính hợp pháp hay không hợp pháp của hành vi, tính có căn cứ hay không có căn cứ của một sự kiện, một tài liệu hay một tình tiết sự việc... các bản án và các quyết định áp dụng pháp luật được ban hành luôn luôn gắn liền với việc bảo vệ các quyền của con người, lợi ích hợp pháp của tổ chức và cá nhân, lợi ích của Nhà nước. Do đó, người Thẩm phán tiến hành xét xử không thể thiếu đạo đức. Mỗi con người bình thường sống trong xã hội phải có đức, người Thẩm phán lại càng

phải sống có đức. Người Thẩm phán phải biết đau trước nỗi đau của người bị hại; phải biết căm thù đối với những hành vi phản dân hại nước; những hành vi tàn ác, phi nhân tính của bọn tội phạm; biết bình tĩnh khôn khéo đấu tranh làm rõ mọi sự lừa lọc, dối trá, mọi thủ đoạn tinh vi, xảo quyệt để có những phán quyết, phân xử hợp tình, hợp lý, đúng pháp luật, "tâm phục, khẩu phục". Cái đáng lo và cũng là điều đáng sợ nhất là tình trạng "xơ cứng" cảm xúc của người Thẩm phán trước nỗi đau của người khác, coi việc ra bản án, quyết định khi xét xử giống như việc cho ra một sản phẩm từ những thao tác giản đơn theo một quy trình cứng đờ, máy móc. Hoặc còn tệ hại hơn nữa là việc sử dụng quy trình áp dụng pháp luật để phục vụ cho những mưu đồ cá nhân, tham nhũng, tiêu cực và hối lộ.

Việc không ngừng rèn luyện nâng cao đạo đức cách mạng "*cần, kiệm, liêm, chính, chí công, vô tư*" sẽ giúp cho người Thẩm phán có cái tâm trong sáng, một bản lĩnh vững vàng khi xét xử, đánh giá các chứng cứ và các tình tiết khách quan của vụ án nhằm đưa ra những phán quyết công tâm, thuyết phục lòng người, "thấu tình, đạt lý".

Vốn sống, kinh nghiệm sống, sự am hiểu các mặt đời sống xã hội càng cao sẽ là nhân tố giúp cho người Thẩm phán xử lý các tình huống khi áp dụng pháp luật càng nhanh nhạy, linh hoạt và chính xác. Chính vì vậy, pháp luật nước ta đòi hỏi người được bổ nhiệm Thẩm phán ngoài những tiêu chuẩn chung sau khi tốt nghiệp cử nhân luật và một khóa đào tạo Thẩm phán, phải có một thời gian công tác pháp luật nhất định. Bác Hồ kính yêu của chúng ta trong bài nói tại Hội nghị học tập của cán bộ ngành tư pháp năm 1950 đã căn dặn rằng:

Trong công tác xử án phải công bằng, liêm khiết, trong sạch. Như thế cũng chưa đủ, không thể chỉ hạn chế hoạt động của mình trong khung tòa án. Phải gần dân, hiểu dân, giúp dân, học dân. Giúp dân, học dân để giúp mình thêm liêm khiết, thêm công bằng. Thêm nữa là phải luôn luôn cố gắng học tập lý luận, học tập đường lối chính sách của Chính phủ [99, tr. 16].

Sự am hiểu đời sống xã hội là tổng hợp những kiến thức, những khả năng ứng xử phù hợp của con người trước thực tiễn sinh động của đời sống xã hội. Để đánh giá đúng, chính xác hoàn cảnh phạm tội, nhân thân người phạm tội, tính chất mức độ nguy hiểm cho xã hội của hành vi phạm tội (trong loại án hình sự); nguyên nhân dẫn đến các tranh chấp hoặc nguyên nhân dẫn đến việc ly hôn

(trong loại án dân sự)... người Thẩm phán không thể thiếu kiến thức về xã hội, về cuộc sống thực tiễn. Ví dụ: một Thẩm phán mới được bổ nhiệm còn trẻ, chưa có gia đình, tiến hành hòa giải và xét xử một vụ ly hôn thì khó có thể phân tích đầy đủ các khía cạnh tâm sinh lý của cuộc sống vợ chồng, sự phức tạp và đa dạng của cuộc sống chung, trách nhiệm và tình yêu thương con cái... Và, điều đó rất dễ dẫn đến bản án ly hôn được ban hành chưa "thấu tình, đạt lý".

Chính vốn sống và kinh nghiệm thực tiễn sẽ giúp cho người Thẩm phán có điều kiện thuận lợi để am hiểu tâm lý người phạm tội là người chưa thành niên, là người già, là người lang thang không nơi nương tựa; tâm lý của nguyên đơn, bị đơn, tâm lý của người làm chứng trong quá trình tiếp cận và xét hỏi trực tiếp tại phiên tòa. Các bản án, quyết định được ban hành một cách "thấu tình, đạt lý", chính xác, đúng pháp luật, chắc chắn phải là kết quả lao động nghiêm túc của những Hội đồng xét xử, của những Thẩm phán giàu kinh nghiệm sống, am hiểu "nhân tình thế thái" ngoài yếu tố nghề nghiệp, đạo đức và ý thức chính trị của bản thân.

Trong hoạt động áp dụng pháp luật khi xét xử các vụ án, ý thức pháp luật của người Thẩm phán là một nhân tố vô cùng quan trọng và cần thiết để áp dụng pháp luật một cách chính xác và đúng đắn. Thật vậy, ý thức pháp luật, nhận thức pháp luật của người Thẩm phán ở mức độ thấp rất dễ dẫn đến việc hiểu sai lệch nội dung của quy phạm pháp luật; đánh giá, xem xét các tình tiết của vụ việc một cách hời hợt, chủ quan, phiến diện và tiến hành ra bản án, quyết định oan sai, hoặc theo lối mòn kinh nghiệm chủ nghĩa trước xử như vậy, nay xử như thế; hoặc ý lại, dựa dẫm vào ý kiến của người khác, ý kiến của Tòa án cấp trên đã cho khi "thỉnh thị án". Ý thức pháp luật, trình độ nhận thức pháp luật của người Thẩm phán ở trình độ cao thì quyết định áp dụng pháp luật được ban hành trên cơ sở khoa học và thực tiễn, khách quan và công minh; bản án và quyết định của Tòa án đích thực là kết quả của cả một quá trình nghiên cứu, cân nhắc, trăn trở và lao động nghiêm túc. Chính ý thức pháp luật là nhân tố giúp Thẩm phán đánh giá các sự kiện, các tình tiết, các chứng cứ một cách khách quan, chính xác, không thiên vị, không bỏ qua bất kỳ tình tiết nào dù nhỏ nhất. Cũng chính ý thức pháp luật, ý thức trách nhiệm của người Thẩm phán tạo cho người Thẩm phán bản lĩnh nghề nghiệp: cảm thông và chia sẻ trước những đau thương và mất mát nhưng lại không được phép yếu mềm và thiên vị; lên án và căm thù hành vi tàn ác nhưng lại không được phép định kiến, ghét bỏ những con người đã thực hiện

những hành vi phi nhân tính. ý thức pháp luật ở trình độ cao là nhân tố quan trọng giúp cho Thẩm phán tìm đúng quy phạm pháp luật cần tìm để áp dụng; hiểu đúng và chính xác nội dung chính trị - xã hội - pháp lý mà quy phạm pháp luật muốn thể hiện. Chính ý thức pháp luật, bản lĩnh, kỹ năng nghề nghiệp mách bảo cho người Thẩm phán biết đâu là vấn đề mấu chốt, đâu là những tình tiết có ý nghĩa quan trọng của một vụ án, đâu là vấn đề cần làm rõ giữa bên nguyên đơn, bên bị đơn trong các vụ án dân sự hoặc các dấu hiệu cấu thành tội phạm của hành vi nguy hiểm cho xã hội trong vụ án hình sự. ý thức pháp luật, kỹ năng nghề nghiệp của người Thẩm phán góp phần tạo ra phong cách làm việc đĩnh đạc, tự tin, quyết đoán, chính xác và khoa học khi thao tác quy trình áp dụng pháp luật để giải quyết từng vụ án cụ thể. Người Thẩm phán có bản lĩnh nghề nghiệp, có kỹ năng áp dụng pháp luật luôn là người làm chủ được mọi tình huống diễn biến tại phiên tòa, thích đi sâu nghiên cứu và xét xử những vụ án khó, say mê khám phá những con đường tìm đến sự thật khách quan của vụ án để bảo vệ công lý, bảo vệ lẽ phải, bảo vệ cuộc sống bình yên của con người. Kỹ năng nghề nghiệp của người Thẩm phán thể hiện rất rõ nét qua việc tổ chức, điều hành phiên tòa. Người Thẩm phán khi được giao nhiệm vụ làm chủ tọa phiên tòa chính là người phải thực hiện một trọng trách: khai mạc phiên tòa và điều hành phiên tòa cho đến khi tuyên án. Theo pháp luật tổ tụng hiện hành của nước ta thì phiên tòa được diễn ra theo một trình tự nhất định và qua những thủ tục hết sức nghiêm ngặt, tỉ mỉ. Trong các giai đoạn và thủ tục đó, việc bắt đầu phiên tòa, xét hỏi, tổ chức tranh luận, điều khiển việc nghị án... đều mang những ý nghĩa quan trọng.

Khi bắt đầu phiên tòa, người Thẩm phán thể hiện phong cách làm việc khoa học và điều hành các công việc như xem xét căn cước bị cáo, người bị hại, nguyên đơn, bị đơn; phổ biến quyền và nghĩa vụ của những người tham gia tố tụng; giới thiệu những người tiến hành tố tụng... một cách trôi chảy, không vấp vấp, không nhảm lẩn thì sẽ gây ấn tượng ban đầu rất tốt đối với những người tham gia tố tụng và những người theo dõi phiên tòa. Ấn tượng ban đầu ấy là một trong những nhân tố củng cố thêm niềm tin cho mọi người vào công lý, vào lẽ phải, vào sự nghiêm minh của pháp luật và tính khách quan, công bằng của người Thẩm phán.

Xét hỏi là giai đoạn điều tra công khai tại phiên tòa về những chứng cứ, tài liệu đã thu thập trước đó và nghe cụ thể yêu cầu của các bên tham gia tố



tụng. Phương pháp xét hỏi của mỗi Thẩm phán có thể khác nhau như có thể xét hỏi theo trình tự về thời gian diễn biến vụ việc; có thể hỏi ngược thời gian từ sau về trước; có thể xét hỏi bị cáo có vai trò giúp sức trước rồi mới xét hỏi đến bị cáo có vai trò tổ chức sau v.v... nhưng cuối cùng việc xét hỏi phải đạt mục đích: điều tra công khai, làm rõ các chứng cứ của việc buộc tội và gỡ tội, của việc khởi kiện và bị khởi kiện; đối chiếu với các chứng cứ tài liệu đã thu thập được trong hồ sơ, làm rõ bản chất của sự việc một cách khách quan và công khai để làm cơ sở cho việc xem xét giải quyết vụ án.

Nói chung, khi xét hỏi, người Thẩm phán cần đặt những câu hỏi ngắn, rõ ràng để người được hỏi có thể dễ dàng trình bày và cần hết sức tránh các câu hỏi "có", "không", các câu hỏi mà nội dung trả lời đã có ngay trong câu hỏi. Thái độ của Thẩm phán khi xét hỏi cũng rất quan trọng trong quá trình điều tra công khai tại phiên tòa như không quá tức giận trước những lời khai quanh co, chối tội nhưng cũng không quá dỗi thân thiết, nhẹ nhàng trước những lời khai thành khẩn như theo ý mình.

Tranh luận là giai đoạn sinh động, lý thú của một phiên tòa hình sự, dân sự và hành chính. Tổ chức tranh luận đạt hiệu quả cao là sự thể hiện thành công của tài năng người Thẩm phán trong quá trình xét xử vụ án. Người điều hành việc tranh luận tại phiên tòa công khai phải thể hiện tính khách quan, không thiên vị đối với bất kỳ một bên nào và luôn quan tâm đến các lời đối đáp giữa các bên nhằm phục vụ tốt nhất cho các phán quyết của Tòa án nhân dân. Tổ chức điều khiển tranh luận là tạo điều kiện cho các bên trình bày hết những lập luận, lý lẽ để bảo vệ quyền lợi và các đề nghị của mình trước Tòa án nhằm làm sáng tỏ sự thật khách quan của vụ án. Nó còn là việc khơi gợi những vấn đề mấu chốt của vụ án và giữ cho việc tranh luận đi đúng hướng, đúng pháp luật, không để việc đối đáp giữa các bên tự phát theo chiều hướng xúc phạm danh dự, uy tín của nhau hoặc biến việc tranh luận thành diễn đàn để xuyên tạc đường lối chính sách của Đảng và pháp luật của Nhà nước.

Tổ chức và tiến hành thành công việc nghị án cũng là một trong những kỹ năng nghề nghiệp cần phải có ở mỗi Thẩm phán. Người Thẩm phán phải biết tổng hợp và nêu ra những vấn đề mấu chốt cần phải giải quyết của vụ án; những vấn đề đã xét hỏi, thẩm tra công khai tại phiên tòa; những lập luận qua đối đáp khi tranh luận giữa các bên... để Hội thẩm các Thẩm phán cùng bàn bạc và có ý

kiến độc lập. Những ý kiến qua nghị án còn khác nhau thì người Thẩm phán chủ tọa phiên tòa cần phân tích sâu để làm rõ thêm và phải biết lắng nghe những ý kiến khác với mình trên cơ sở bảo đảm ý kiến của các thành viên Hội đồng xét xử đều có giá trị ngang bằng nhau và ý kiến của mỗi người đều được trình bày một cách thoải mái và dân chủ. Nguyên tắc "*khi xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật*", nguyên tắc "*Tòa án xét xử tập thể và quyết định theo đa số*" được thể hiện cao độ trong quá trình tiến hành nghị án để phán quyết, ban hành bản án và quyết định của Tòa án.

Sau khi thực hiện việc nghị án và viết bản án, kỹ năng nghề nghiệp của người Thẩm phán còn được thể hiện ở việc tuyên bản án. Một bản án được tuyên đúng cách sẽ phát huy tác dụng trực tiếp ngay tại phiên tòa đối với bị cáo, đương sự, người dự phiên tòa và dư luận xã hội về tính nghiêm minh của pháp luật, tính công bằng của xã hội, tính nhân đạo và ưu việt của chế độ chính trị. Khi tuyên án, người Thẩm phán phải giữ giọng đã luyện tập; không nói ngọng, nói lắp; không đọc sai các từ nước ngoài và không quên giao tiếp bằng mắt với những người trực tiếp nghe tuyên án. Đối với những bản án có nội dung dài, người tuyên án cần biết giữ giọng để khi tuyên án phần quyết định, giọng không bị khàn hoặc bị rè.

Thẩm phán là một nghề đặc biệt và lao động Thẩm phán là một loại lao động đặc biệt rất cần được Nhà nước và xã hội quan tâm. Trong hoạt động áp dụng pháp luật và rèn luyện kỹ năng xét xử các vụ án, bên cạnh sự cố gắng, nỗ lực vươn lên của người Thẩm phán cần có những biện pháp và sự trợ giúp của Nhà nước và xã hội để không ngừng đáp ứng yêu cầu ngày càng cao của công tác xét xử.

Qua phân tích như đã nêu trên, có thể nói rằng, ý thức pháp luật, kỹ năng nghề nghiệp cùng với ý thức chính trị, đạo đức phẩm chất cách mạng tạo thành tư cách của người Thẩm phán và một vị thế riêng của người Thẩm phán trong đời sống xã hội. Trong bài nói tại buổi lễ khai giảng Trường Đại học Pháp lý Hà Nội ngày 7/3/1980, Thủ tướng Phạm Văn Đồng đã nêu:

Nhà nước ta bảo đảm quyền làm chủ tập thể cho nhân dân lao động, nhưng trong xã hội còn hiện tượng vi phạm pháp luật, vi phạm quyền làm chủ tập thể, vì vậy phải dựa vào pháp luật để ngăn ngừa tội phạm, giáo dục con người. Bản án đối với người phạm tội là một sự kiện quan trọng không chỉ đối với bản thân

họ mà cả đời với gia đình họ và xã hội. Là công tác liên quan đến sinh mệnh con người, các cơ quan chuyên chính phải có một đội ngũ cán bộ chuyên môn giỏi, có năng lực và có uy tín. Công tác Tòa án là một công tác rất khó, vì vậy phải có những cán bộ tương đối toàn diện, hiểu chuyên môn, hiểu pháp luật, hiểu chính trị, hiểu xã hội, hiểu cả "nhân tình, thế thái".

Việc xây dựng, đào tạo bồi dưỡng một đội ngũ Thẩm phán vừa "hồng" vừa "chuyên" không phải là việc có thể làm trong ngày một ngày hai. Kế thừa và phát huy những thành tựu đã đạt được trong thời gian qua, Nhà nước cần có một chiến lược đào tạo và phát triển đội ngũ Thẩm phán đủ sức đảm đương và hoàn thành tốt nhiệm vụ trước yêu cầu mới với những bước đi thích hợp, vững chắc, phù hợp với từng giai đoạn phát triển của đất nước.

Bên cạnh đó, người Thẩm phán phải luôn luôn có ý thức tự rèn luyện để nâng cao bản lĩnh chính trị, trình độ nghề nghiệp và luôn biết tích lũy vốn sống, kinh nghiệm thực tiễn áp dụng pháp luật. Sau khi được bổ nhiệm làm Thẩm phán, việc xét xử với tư cách là chủ tọa phiên tòa vụ án đầu tiên sẽ lưu dấu ấn suốt quá trình xét xử sau này của người Thẩm phán. Có thể có những khiếm khuyết, lúng túng nhưng sẽ là bài học đầu tiên không bao giờ quên ở lần đầu xét xử. Kỹ năng xét xử của người Thẩm phán được hình thành dần qua thực tiễn xét xử và càng đối mặt với những vụ án khó càng có cơ hội để tự rèn luyện. Do đó, một người sau khi được bổ nhiệm làm Thẩm phán, không thể tự cho phép hài lòng với mình mà cần phải ra sức rèn luyện để không ngừng giữ vững đạo đức, nâng cao bản lĩnh chính trị và trình độ nghề nghiệp.

Thực tiễn áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án luôn luôn sinh động và đa dạng. Ấn chứa trong từng hồ sơ vụ án là thân phận của những con người đang chờ sự phán xét nghiêm minh, công bằng của Thẩm phán. Do đó, việc không ngừng nâng cao kỹ năng nghề nghiệp, vốn sống thực tiễn không chỉ giúp cho người Thẩm phán hoàn thành tốt nhiệm vụ mà Đảng, Nhà nước và nhân dân giao phó mà còn là điều kiện không thể thiếu được để phục vụ ngày càng tốt hơn cho con người; bảo vệ kịp thời, đúng pháp luật các quyền của công dân, các quyền của con người mà Hiến pháp và pháp luật nước ta đã ghi nhận.

Để tạo điều kiện thuận lợi cho việc xây dựng đội ngũ Thẩm phán đủ về số lượng, bảo đảm về chất lượng, Nhà nước cần có những chính sách ưu đãi phù hợp với yêu cầu cải cách tư pháp như chế độ lương và phụ cấp của Thẩm phán;

các chế độ ưu đãi khi thi hành công vụ; chế độ bảo vệ để chống lại sự mua chuộc hoặc đe dọa của tội phạm; chế độ bổ nhiệm, thi tuyển và độ tuổi nghỉ hưu của Thẩm phán. Đặc biệt, Nhà nước và xã hội cần nhìn nhận Thẩm phán là một nghề chứ không chỉ đơn thuần là một chức danh được bổ nhiệm và từ đó xây dựng chế độ bổ nhiệm không theo nhiệm kỳ. Nghề Thẩm phán với thời gian hành nghề không theo nhiệm kỳ năm năm, mười năm; với quy định độ tuổi để nghỉ hưu dài hơn so với cán bộ, công chức, viên chức các ngành khác, sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho người Thẩm phán rèn luyện, tu dưỡng, tích lũy kinh nghiệm xét xử và vươn lên không ngừng. Bên cạnh đó, chế độ sát hạch, thi tuyển Thẩm phán cần thực hiện nghiêm ngặt hơn so với quy định tuyển chọn hiện nay. Việc Thủ tướng Chính phủ ban hành Quyết định 1269/QĐ-TTg ngày 18/11/2003 thành lập Học viện Tư pháp để đào tạo thống nhất các chức danh tư pháp, trong đó có chức danh Thẩm phán đã mở ra những điều kiện hết sức thuận lợi cho việc đào tạo kỹ năng nghề nghiệp Thẩm phán chuyên sâu và bảo đảm chất lượng hoạt động khi được bổ nhiệm.

Trong sự quan tâm của Đảng và Nhà nước về các chế độ, chính sách như đã nêu trên cho một nghề nghiệp mang tính đặc thù thì sự tự phấn đấu rèn luyện, vươn lên của mỗi người Thẩm phán mới là nhân tố cơ bản quyết định cho việc hình thành và phát triển không ngừng kỹ năng áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử. Và, điều này lại bắt nguồn từ ý thức chính trị, sự say mê nghề nghiệp, khả năng tổng hợp, phân tích và tích lũy kinh nghiệm thực tiễn ở mỗi người.

Chỉ với một đội ngũ Thẩm phán như vậy đủ về số lượng, được quan tâm đặc biệt về chế độ đãi ngộ, thi tuyển, sát hạch chặt chẽ thì mới trở thành lực lượng "chủ công" để nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân ở nước ta trong giai đoạn hiện nay và cả trong thời gian tới.

### ***5. Nghiên cứu, tổ chức lại lực lượng Hội thẩm để đáp ứng yêu cầu nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử***

Trong thời gian vừa qua, các thế hệ Hội thẩm nhân dân thuộc nhiều tầng lớp của nhân dân lao động đã vừa học tập, lao động, chiến đấu, công tác, vừa tham gia xét xử các vụ án hình sự, dân sự và hành chính tại Tòa án nhân dân. Có thể nói rằng chế độ Hội thẩm nhân dân ra đời cùng với sự ra đời của ngành

Tòa án nhân dân. Lực lượng Hội thẩm đã mang vào phiên tòa xét xử "hơi thở" của cuộc sống người dân lao động thuộc nhiều ngành nghề khác nhau, là đại diện cho các tầng lớp nhân dân tham gia vào việc "cầm cân nảy mực" của cơ quan Tòa án. Các thế hệ Hội thẩm nhân dân đã đóng góp công lao to lớn và cống hiến trí tuệ, sức lực của mình vào thành tích chung của ngành Tòa án nhân dân Việt Nam trong việc bảo vệ kịp thời thành quả cách mạng, bảo vệ chế độ xã hội chủ nghĩa và quyền dân chủ của nhân dân lao động dưới sự lãnh đạo của Đảng Cộng sản Việt Nam. Việc tham gia của Hội thẩm vào công tác xét xử của Tòa án nhân dân đã trở thành nguyên tắc Hiến định qua cả bốn bản Hiến pháp của nước ta. Nó không chỉ thể hiện tính nhân dân, tính dân chủ trong hoạt động xét xử của Tòa án mà còn là một biểu hiện quan trọng của tính ưu việt Nhà nước ta trong hoạt động tư pháp. Trong quá trình xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân, vì dân hiện nay, Đảng, Nhà nước ta tiếp tục khẳng định vai trò quan trọng của chế định Hội thẩm nhân dân trong hoạt động xét xử của Tòa án. Đồng thời Đảng và Nhà nước ta cũng đề ra yêu cầu đổi mới và nâng cao chất lượng hoạt động của Hội thẩm nhân dân để người Hội thẩm thực sự ngang quyền với Thẩm phán khi xét xử và có trách nhiệm cùng với Thẩm phán khi ban hành các bản án và quyết định áp dụng pháp luật.

Trước yêu cầu của tình hình mới, Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị về "*một số nhiệm vụ trọng tâm công tác tư pháp trong thời gian tới*" đã chỉ rõ: "*Nghiên cứu hoàn thiện cơ chế lựa chọn, bầu cử, bồi dưỡng, quản lý Hội thẩm nhân dân nhằm đề cao trách nhiệm và vai trò của hội thẩm nhân dân trong xét xử*". Để tăng cường chất lượng và hiệu quả hoạt động của Hội thẩm Tòa án nhân dân trong tình hình mới, chúng ta cần nghiên cứu thực hiện hai nội dung chủ yếu sau đây:

*Một là, cần nghiên cứu cải tiến cách thức lựa chọn giới thiệu bầu cử và quản lý Hội thẩm theo hướng tập hợp thành một tổ chức Đoàn Hội thẩm. Người Hội thẩm tham gia xét xử tại Tòa án là những người công dân bình thường nhưng rất mẫu mực và có uy tín trong đời sống thường ngày, được nhân dân tín nhiệm và Mặt trận Tổ quốc Việt Nam hiệp thương giới thiệu để Hội đồng nhân dân cấp tỉnh và Hội đồng nhân dân cấp huyện bầu cử. Sau khi được bầu cử, Hội thẩm Tòa án nhân dân cần được tập hợp thành một tổ chức, ở đây, xin được tạm gọi là Đoàn Hội thẩm. Đoàn Hội thẩm là một tổ chức tập hợp các Hội thẩm Tòa án nhân dân được bầu ở một địa phương nhất định (tỉnh,*

huyện) để trao đổi kinh nghiệm xét xử, bồi dưỡng, học tập, nâng cao trình độ, kỹ năng xét xử các vụ án. Cụ thể, đó là những kinh nghiệm trong việc nghiên cứu hồ sơ vụ án các loại, kinh nghiệm về việc tham gia xét hỏi, cách đặt câu hỏi để làm rõ những vấn đề mấu chốt của vụ án, cách giải thích những kiến thức pháp luật phổ thông và nêu những vấn đề thuộc về đạo lý của con người nhằm góp phần giáo dục trực tiếp đến bị cáo và các đương sự tại phiên tòa. Các kinh nghiệm được trao đổi tại sinh hoạt Đoàn Hội thậm chí còn có thể bao gồm cả cách thức nghị án, tìm và hiểu đúng nội dung quy phạm pháp luật để áp dụng giải quyết vụ án một cách chính xác và đúng đắn; kể cả việc trao đổi kinh nghiệm về các chuyên đề: xét xử những người chưa thành niên phạm tội; việc giao con cho bố hoặc mẹ nuôi khi giải quyết các vụ án ly hôn; việc xét xử các vụ án chia thừa kế, chia quyền sử dụng đất v.v... Có thể nói rằng, không thiếu nội dung hoạt động của Đoàn Hội thậm chí để thực hiện việc không ngừng nâng cao chất lượng xét xử các vụ án mà chỉ thiếu một hình thức tổ chức để tập hợp. Qua sinh hoạt của Đoàn Hội thậm chí, Chánh án Tòa án nhân dân các cấp rất dễ dàng thực hiện việc quản lý, đánh giá chất lượng hoạt động của Hội thẩm Tòa án nhân dân về kỹ năng xét xử và về nhiều mặt khác.

*Hai là, cần đặc biệt quan tâm đến trình độ nhận thức pháp lý của lực lượng Hội thẩm Tòa án nhân dân; nghiên cứu thực hiện tỉ lệ hợp lý số Hội thẩm tham gia trong Hội đồng xét xử nhằm nâng cao trách nhiệm và chất lượng áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân.*

Để nâng cao chất lượng xét xử trong tình hình mới, chúng ta cần đặc biệt quan tâm đến trình độ nhận thức pháp lý của Hội thẩm Tòa án nhân dân bên cạnh việc coi trọng các tiêu chuẩn khác giống như các yêu cầu đối với người Thẩm phán. Khi người Hội thẩm Tòa án nhân dân có một trình độ nhận thức pháp lý cần thiết đủ để tự chủ trong các công việc nghiên cứu hồ sơ, xét hỏi, nghị án để cùng với Thẩm phán ban hành các văn bản áp dụng pháp luật thấu tình, đạt lý, đúng pháp luật thì mới là lúc thực sự "ngang quyền" với Thẩm phán khi xét xử. Với tư cách là một thành viên ngang hàng với Thẩm phán trong Hội đồng xét xử, người Hội thẩm Tòa án nhân dân có đủ nhận thức pháp lý cần thiết sẽ không lúng túng, bị động trong các thao tác nghiệp vụ xét xử, không phải thụ động theo ý kiến Thẩm phán và "nhất trí" theo Thẩm phán mà không hiểu rõ nội dung vụ việc do bản thân mình tham gia quyết định. Nguyên tắc "*khi xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật*" chắc chắn sẽ được

thực hiện đạt hiệu quả cao khi cả Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân đều có "tay nghề" vững vàng, vừa hồng vừa chuyên, tận tụy phục vụ lợi ích của Đảng, Nhà nước và nhân dân.

Coi trọng trình độ nhận thức pháp lý của Hội thẩm Tòa án nhân dân còn giúp chúng ta giải quyết được sự mâu thuẫn về nhận thức; vừa muốn Hội thẩm Tòa án nhân dân chỉ là những đại diện của quần chúng nhân dân tham gia công tác xét xử, mang "hơi thở" của cuộc sống xã hội vào hoạt động xét xử các vụ án của cơ quan Tòa án nên không chú trọng lắm đến trình độ pháp lý; vừa mong muốn Hội thẩm Tòa án nhân dân phải thực hiện có hiệu quả cao tính độc lập khi xét xử và sự ngang quyền với Thẩm phán khi tham gia xét xử và quyết định mọi vấn đề của vụ án. Trong tình hình hiện nay, vấn đề chất lượng áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án đang được Đảng, Nhà nước và nhân dân đặc biệt quan tâm. Hai chức danh giữ vai trò chủ thể tiến hành các quy trình áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án là Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân lại càng được Nhà nước và xã hội đặc biệt quan tâm. Ngoài các yêu cầu đối với các tiêu chuẩn chung theo quy định của pháp luật thì trình độ năng lực, kỹ năng nghề nghiệp, tư cách, đạo đức mẫu mực của người Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân được nhân dân và công luận rất quan tâm vì hoạt động xét xử của Tòa án luôn công khai và chịu sự nhận xét trực tiếp của nhân dân và công luận. Do đó, việc nâng cao và coi trọng trình độ pháp lý của Hội thẩm Tòa án nhân dân là việc làm hết sức cần thiết và không thể thiếu được trong quá trình nâng cao chất lượng hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân nhằm thực hiện tốt công cuộc cải cách tư pháp đang tiến hành trong giai đoạn hiện nay.

Ngoài ra, từ ngày 01/7/1994 Nhà nước ta đã điều chỉnh tỉ lệ tham gia của Hội thẩm Tòa án nhân dân trong Hội đồng xét xử loại án kinh tế. Cụ thể, Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm hai Thẩm phán và một Hội thẩm. Tỉ lệ này cũng được áp dụng trong việc giải quyết các vụ án lao động từ 01/7/1996. Qua hơn 10 năm thực hiện tỉ lệ Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân trong Hội đồng xét xử sơ thẩm như đã nêu, cần được các cơ quan có thẩm quyền tiến hành tổng kết và đánh giá nhằm tăng tỉ lệ thành phần xét xử chuyên nghiệp, bảo đảm tính đúng đắn và chế độ trách nhiệm cao trong việc phán quyết và phân xử của Tòa án nhân dân. Việc tổng kết đánh giá nội dung nêu trên còn có ý nghĩa phục vụ cho việc nghiên cứu sửa đổi Pháp lệnh thủ tục giải quyết các vụ án hành chính. Vấn

đề tỷ lệ Hội đồng xét xử gồm hai Thẩm phán và một Hội thẩm hoặc Hội đồng xét xử gồm ba Thẩm phán và hai Hội thẩm, hay nói cách khác, số lượng Hội thẩm trong Hội đồng xét xử sơ thẩm ít hơn Thẩm phán cần được tiếp tục đặt ra để nghiên cứu nhằm đảm bảo chất lượng xét xử của Tòa án nhân dân. Bởi vì, tăng tỷ lệ Thẩm phán trong hội đồng xét xử là tăng tỷ lệ người xét xử chuyên nghiệp trong hội đồng xét xử, điều đó cũng có nghĩa là tạo những điều kiện tốt nhất để đảm bảo chất lượng xét xử của Tòa án. Những tiêu chuẩn nghề nghiệp và trách nhiệm đối với người Thẩm phán được đặt ra với yêu cầu cao hơn nhiều so với người Hội thẩm. Hội thẩm là người đại diện cho nhân dân tham gia công tác xét xử của Tòa án nên không thể và không nên đặt vấn đề chuyên nghiệp hóa lực lượng Hội thẩm. Vì nếu như vậy thì tính chất nhân dân của chế định Hội thẩm sẽ trở nên vô nghĩa. Với nguyên tắc khi xét xử, Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán nhưng do trình độ pháp lý có hạn (không ngang bằng với Thẩm phán) nên thực tiễn xét xử cho thấy, người Hội thẩm rất khó thực hiện tốt nguyên tắc này. Việc tăng tỷ lệ Thẩm phán trong Hội đồng xét xử sơ thẩm không làm giảm vị trí quan trọng của người Hội thẩm mà còn phát huy tốt vai trò của người Hội thẩm trong công tác xét xử. Bởi vì cái chúng ta cần ở người Hội thẩm không phải là trình độ pháp lý cao mà là ở phẩm chất và kinh nghiệm sống của bản thân người Hội thẩm, là tính nhân dân mà Hội thẩm là người đại diện trong Hội đồng xét xử khi xét xử các vụ án. Tuy ý kiến còn là thiểu số khi Quốc hội thông qua Bộ luật tố tụng hình sự sửa đổi và Bộ luật tố tụng dân sự, nhưng vấn đề tăng tỷ lệ Thẩm phán trong Hội đồng xét xử sơ thẩm là một trong những vấn đề cần tiếp tục nghiên cứu để nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân ở nước ta.

Ngoài ra, thực hiện cải cách tư pháp, tăng thẩm quyền cho Tòa án nhân dân cấp huyện để thực hiện Tòa án nhân dân cấp huyện xét xử sơ thẩm là chủ yếu, Tòa án nhân dân cấp tỉnh xét xử phúc thẩm là chủ yếu trong thời gian tới nên số lượng Hội thẩm Tòa án nhân dân cấp tỉnh và Tòa án nhân dân cấp huyện cũng có sự thay đổi cho phù hợp. Do xét xử phúc thẩm các loại án hình sự, dân sự, hôn nhân gia đình, lao động, kinh tế, hành chính là chủ yếu nên số lượng Hội thẩm Tòa án nhân dân của Tòa án cấp tỉnh sẽ giảm hơn so với hiện nay. Ngược lại, việc xét xử sơ thẩm của Tòa án nhân dân cấp huyện với thẩm quyền được mở rộng, số lượng án phải xét xử sơ thẩm tăng và tính chất phức tạp của các vụ án ngày càng tăng nên đòi hỏi số lượng Hội thẩm Tòa án nhân dân tham gia xét



xử nhiều hơn và chất lượng hoạt động của Hội thẩm Tòa án nhân dân tốt hơn. Do đó, việc xây dựng, củng cố lực lượng Hội thẩm Tòa án nhân dân cấp huyện đủ về số lượng, bảo đảm về tiêu chuẩn và chất lượng hoạt động đang là yêu cầu cấp bách ngay từ nhiệm kỳ Hội thẩm Tòa án nhân dân 2004 - 2009, để thực hiện tốt các nội dung về mở rộng thẩm quyền xét xử theo quy định của Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 và Bộ luật tố tụng dân sự đã được Quốc hội thông qua vào ngày 15/6/2004.

Như vậy, để đề cao trách nhiệm và tăng cường vai trò của Hội thẩm Tòa án nhân dân trong xét xử, chúng ta cần nghiên cứu và mạnh dạn áp dụng các giải pháp đổi mới cả về nhận thức, về tổ chức và yêu cầu về trình độ của Hội thẩm Tòa án nhân dân đủ "độ" để Hội thẩm Tòa án nhân dân thực sự ngang quyền với Thẩm phán khi xét xử, nhằm không ngừng nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật của Tòa án nhân dân và để thực hiện ngày càng có hiệu quả hơn các nguyên tắc: Tòa án xét xử tập thể và quyết định theo đa số; nguyên tắc khi xét xử, Thẩm phán và Hội thẩm độc lập và chỉ tuân theo pháp luật; nguyên tắc Hội thẩm ngang quyền với Thẩm phán khi xét xử v.v...

#### ***6. Xây dựng và củng cố các cơ quan, tổ chức hỗ trợ tư pháp nhằm nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án***

Hoạt động của các cơ quan, tổ chức hỗ trợ tư pháp như Luật sư, Giám định, Công chứng, Hộ tịch không trực tiếp quyết định các vụ án nhưng có ý nghĩa rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án. Trong việc xét xử các vụ án hình sự, dân sự, hành chính, hoạt động của các cơ quan, tổ chức hỗ trợ tư pháp đã bổ sung, cung cấp nhiều tài liệu, chứng cứ có giá trị chứng minh làm sáng tỏ các tình tiết khách quan của vụ án. Hoạt động của các cơ quan hỗ trợ tư pháp không chỉ có ý nghĩa trong các giai đoạn khởi tố, điều tra, truy tố (đối với án hình sự) hoặc trong các giai đoạn thụ lý, điều tra, hòa giải (đối với loại án dân sự, hành chính) mà còn có ý nghĩa trong việc xét xử sơ thẩm, phúc thẩm, giám đốc thẩm, tái thẩm các vụ án. Các chứng cứ, tài liệu của các cơ quan hỗ trợ tư pháp đều được xem xét, thẩm tra, đánh giá tại phiên tòa khi Tòa án tiến hành xét xử và có giá trị chứng minh theo các quy định của pháp luật. Hoạt động của các cơ quan hỗ trợ tư pháp kém hiệu quả, không chính xác, không kịp thời rất dễ dẫn đến sự sai lệch trong hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử án hình sự và việc ra các phán quyết giải quyết

tranh chấp dân sự, hành chính của cơ quan Tòa án nhân dân. Chính vì vậy, trong các nội dung cải cách tư pháp mà Đảng và Nhà nước ta đang tiến hành đều đề cập đến việc củng cố và nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan và tổ chức hỗ trợ tư pháp với những bước đi thích hợp. Cụ thể, Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 của Bộ Chính trị đã nêu:

Từng bước hoàn thiện các tổ chức giám định tư pháp. Thành lập cơ quan giám định pháp y quốc gia. Sớm hoàn thiện pháp luật về giám định tư pháp. Tăng cường, củng cố các tổ chức luật sư. Cải tiến hoạt động công chứng bảo đảm nhanh chóng, thuận tiện, chính xác. Nâng cao chất lượng công tác thống kê tư pháp, nghiên cứu việc thống nhất vào một cơ quan thực hiện công tác này... Phát triển và kiện toàn đội ngũ luật sư, giám định viên, công chứng viên có đủ năng lực và phẩm chất đạo đức đáp ứng yêu cầu nhiệm vụ; đến năm 2005 cơ bản có đủ cán bộ làm nhiệm vụ hỗ trợ tư pháp.

Để bảo đảm quyền bào chữa của bị can, bị cáo và bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các tổ chức và cá nhân, đáp ứng kịp thời nhu cầu tư vấn pháp luật cho nhân dân, góp phần bảo đảm nền dân chủ và pháp chế xã hội chủ nghĩa, đội ngũ Luật sư đang được Đảng và Nhà nước ta tạo điều kiện phát triển cả về số lượng và chất lượng. Chính sách của Nhà nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam là củng cố và phát triển đội ngũ Luật sư có phẩm chất đạo đức, trình độ chuyên môn và kỹ năng hành nghề nhằm phục vụ tốt nhất cho công cuộc xây dựng Nhà nước pháp quyền xã hội chủ nghĩa của dân, do dân và vì dân. Nhà nước có cơ chế để phát huy cao độ vai trò của Luật sư và tổ chức Luật sư trong việc bảo vệ các quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự trong các vụ án dân sự, hành chính và trong việc bào chữa cho người bị tạm giữ, bị can, bị cáo trong các vụ án hình sự.

Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 đã mở rộng quyền của Luật sư như: được tham gia từ khi người bị tình nghi bị bắt trong trường hợp khẩn cấp hoặc quả tang; được tham gia bào chữa cho bị can từ khi có quyết định khởi tố bị can kể cả đối với loại tội đặc biệt nghiêm trọng; được phép có mặt khi cơ quan điều tra lấy lời khai của người bị tạm giữ và khi hỏi cung bị can; được đề nghị Cơ quan điều tra báo trước thời gian và địa điểm hỏi cung bị can để có mặt khi hỏi cung bị can; được thu thập tài liệu, đồ vật, tình tiết liên quan đến việc bào chữa nếu không thuộc bí mật nhà nước, bí mật công tác; được đọc, ghi chép,

sao chụp những tài liệu trong hồ sơ vụ án liên quan đến việc bào chữa sau khi kết thúc điều tra; được quyền khiếu nại quyết định, hành vi tố tụng của cơ quan tố tụng và người có thẩm quyền tố tụng v.v... Bên cạnh đó, Bộ luật tố tụng hình sự cũng đòi hỏi Luật sư phải nghiêm chỉnh thi hành các nghĩa vụ như: sử dụng mọi biện pháp hợp pháp để làm sáng tỏ những tình tiết xác định người bị tạm giữ, bị can, bị cáo vô tội, những tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị can, bị cáo; nghĩa vụ tôn trọng sự thật và tôn trọng pháp luật, không được có hành vi mua chuộc, cưỡng ép hoặc xúi giục người khác khai báo gian dối, cung cấp tài liệu sai sự thật; nghĩa vụ giữ bí mật điều tra và không được sử dụng tài liệu đã ghi chép, sao chụp trong hồ sơ vụ án vào mục đích xâm phạm lợi ích của Nhà nước, quyền và lợi ích hợp pháp của cơ quan, tổ chức và cá nhân v.v... Bộ luật tố tụng dân sự cũng đã có những quy định mở rộng và tạo điều kiện thuận lợi cho Luật sư tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của các đương sự như: Luật sư, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự có quyền tham gia tố tụng từ khi khởi kiện hoặc bất cứ giai đoạn nào trong quá trình tố tụng dân sự; được xác minh, thu thập chứng cứ và cung cấp những chứng cứ cho Tòa án; được nghiên cứu hồ sơ vụ án và được ghi chép, sao chụp những tài liệu cần thiết có trong hồ sơ vụ án để thực hiện việc bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự v.v... Việc thi hành Pháp lệnh Luật sư; tăng cường công tác đào tạo, bồi dưỡng đội ngũ Luật sư đã và đang tạo ra một cơ chế mới nhằm phát huy cao độ vai trò của Luật sư tham gia tố tụng, góp phần rất quan trọng thực hiện dân chủ trong hoạt động tố tụng theo đúng quy định của pháp luật. Tuy nhiên, thực tiễn xét xử cũng đã và đang đặt ra yêu cầu về nghĩa vụ và trách nhiệm của Luật sư, nâng cao trình độ, rèn luyện giữ gìn phẩm chất đạo đức của Luật sư. Người làm nghề Luật sư phải có tâm trong sáng, có kỹ năng bào chữa người bị tạm giữ, bị can, bị cáo và bảo vệ quyền lợi cho các đương sự ở trình độ cao mới có thể đáp ứng được yêu cầu mới của xã hội. Nhà nước tạo điều kiện cho Luật sư tham gia bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị truy cứu trách nhiệm hình sự khỏi sự xâm hại bởi các hành vi vi phạm pháp luật từ phía các cơ quan và những người tiến hành tố tụng, nhưng cũng đòi hỏi Luật sư phải có đạo đức nghề nghiệp và thực hiện nghiêm túc trách nhiệm và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật.

Cùng với việc đổi mới tổ chức và hoạt động của Luật sư, tổ chức và hoạt động giám định tư pháp và công chứng hộ tịch cũng rất cần có sự quan tâm của

Nhà nước và xã hội. Việc ban hành một văn bản Luật hoặc Pháp lệnh giám định tư pháp, công chứng và hộ tịch đang là đòi hỏi bức thiết của đời sống xã hội. Các tổ chức giám định tư pháp như giám định pháp y; giám định khoa học hình sự; giám định văn hóa nghệ thuật; giám định tài chính kế toán... cần được sắp xếp lại cho hợp lý và tinh gọn. Các giám định viên cần được nâng cao trình độ khoa học chuyên sâu và có chế độ đãi ngộ hợp lý. Các phương tiện kỹ thuật, máy móc phục vụ cho việc giám định cần được hiện đại hóa để đáp ứng kịp thời yêu cầu chính xác và nhanh chóng của công tác giám định. Các kết luận giám định như tỷ lệ thương tích, nguyên nhân dẫn đến chết người, giám định vân tay, dấu vết, giám định thiệt hại trong tài chính kế toán, giám định tính chất của một tác phẩm nghệ thuật, một văn hóa phẩm cụ thể v.v... càng chính xác bao nhiêu, thì chất lượng áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử càng tốt bấy nhiêu. Bộ luật tố tụng hình sự năm 2003 đã nêu rõ và khá cụ thể về quyền và nghĩa vụ của Giám định viên như quyền được tham dự vào việc hỏi cung, lấy lời khai và đặt câu hỏi về những vấn đề có liên quan đến đối tượng giám định; quyền từ chối việc thực hiện giám định trong trường hợp thời gian không đủ để tiến hành giám định, các tài liệu cung cấp không đủ hoặc không có giá trị để kết luận hoặc nội dung yêu cầu giám định vượt quá phạm vi hiểu biết chuyên môn của mình; quyền được ghi riêng ý kiến kết luận của mình vào bản kết luận chung nếu không thống nhất ý kiến với kết luận chung trong trường hợp giám định do một nhóm người tiến hành v.v... Những quy định cụ thể nêu trên tạo điều kiện thuận lợi cho các Giám định viên thực hiện tốt nhiệm vụ của mình trên cơ sở khoa học mà không bị chi phối bởi một ý kiến nào khác.

Công chứng là hoạt động chứng nhận tính chân thực của các hợp đồng, giao dịch trong quan hệ dân sự, thương mại, kinh tế và các quan hệ xã hội khác theo quy định của pháp luật. Hoạt động công chứng góp phần rất quan trọng vào việc bảo đảm an toàn pháp lý trong các quan hệ dân sự, thương mại, kinh tế và các quan hệ xã hội khác, phòng ngừa vi phạm pháp luật và các tranh chấp, tăng cường pháp chế xã hội chủ nghĩa trong các giao dịch, cung cấp những tài liệu có giá trị chứng cứ phục vụ cho việc giải quyết các tranh chấp. Trước yêu cầu mới của đất nước, hoạt động công chứng đòi hỏi phải được cải tiến, đổi mới theo hướng thiết thực, nhanh, chính xác và chân thực trong hoạt động; phân bố hợp lý về tổ chức của các Phòng công chứng trên từng địa bàn lãnh thổ nhằm tạo điều kiện thuận lợi và tốt nhất cho các cá

nhân, tổ chức thực hiện các quyền và nghĩa vụ của mình theo quy định của pháp luật. Công chứng càng nhanh chóng, chính xác và càng chân thực thì việc áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân càng bảo đảm chất lượng. Cũng tương tự như công chứng, hộ tịch là việc các cơ quan nhà nước có thẩm quyền xác nhận các sự kiện gắn liền với quyền nhân thân của cá nhân như sinh, tử, kết hôn, giám hộ, nuôi con nuôi, thay đổi họ, tên, quốc tịch, xác định dân tộc, cải chính hộ tịch và các sự kiện khác theo quy định của pháp luật. Hoạt động hộ tịch được đổi mới và nâng cao chất lượng sẽ giúp cho việc áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân bảo đảm chính xác hơn. Thực tế hiện nay không ít trường hợp một người có nhiều giấy khai sinh với ngày tháng năm sinh khác nhau, nhiều người còn sử dụng giấy tờ hộ tịch của người đã chết ... đã gây không ít trở ngại, khó khăn cho việc xét xử của Tòa án nhân dân về hình sự, dân sự và hành chính. Hoạt động công chứng và hộ tịch được đổi mới và nâng cao chất lượng sẽ cung cấp rất nhiều chứng cứ chứng minh sự thật khách quan của vụ án hình sự, dân sự, hành chính, giúp cơ quan Tòa án nhân dân phán quyết, xét xử chính xác, đúng pháp luật, không làm oan người vô tội và cũng không để lọt tội phạm.

Công tác công chứng, hộ tịch và các công tác hỗ trợ tư pháp khác cần được nghiên cứu thực hiện xã hội hóa từng bước với chất lượng và hiệu quả hoạt động ngày càng cao sẽ là những nhân tố góp phần bảo đảm chất lượng công tác xét xử của Tòa án. Do đó, một trong những giải pháp quan trọng, không thể thiếu được để nâng cao chất lượng xét xử của cơ quan Tòa án nhân dân, thực hiện cải cách tư pháp chính là việc nâng cao chất lượng hoạt động của các cơ quan hỗ trợ tư pháp ngày càng thuận tiện và có hiệu quả hơn.

### ***7. Tăng cường công tác giám sát, kiểm tra đối với hoạt động xét xử của Tòa án nhằm bảo đảm tốt nhất chất lượng áp dụng pháp luật***

Nghị quyết 08-NQ/TW ngày 02/01/2002 đã nêu:

Tăng cường sự giám sát của Quốc hội, Hội đồng nhân dân, của các tổ chức xã hội và của nhân dân đối với công tác tư pháp. Công tác giám sát của Quốc hội, của Hội đồng nhân dân đối với các cơ quan tư pháp tập trung vào việc chấp hành pháp luật trong lĩnh vực bắt, tạm giữ, tạm giam, truy tố, xét xử, thi hành án và giám sát việc ban hành các văn bản quy phạm pháp luật về lĩnh vực tư pháp....

Thực tiễn hoạt động tư pháp trong thời gian qua cho thấy công tác giám sát đã có tác động rất lớn đến việc bảo đảm chất lượng của việc phát hiện hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm; của hoạt động khởi tố, điều tra, truy tố, xét xử, thi hành án. Trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân, công tác giám sát đã góp phần quan trọng vào việc xây dựng ngành Tòa án nhân dân nước ta vững mạnh về tổ chức và cán bộ; về chất lượng các phiên tòa và chất lượng áp dụng pháp luật trong các hoạt động xét xử của Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân đối với các vụ án hình sự, dân sự, hành chính.

Giám sát của Quốc hội, của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc và các Ủy ban của Quốc hội, của các Đoàn Đại biểu Quốc hội và của đại biểu Quốc hội; giám sát của Hội đồng nhân dân, của Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp; giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các tổ chức thành viên; giám sát của quần chúng nhân dân và các cơ quan công luận... là các hình thức giám sát có tác dụng mạnh mẽ đến việc nâng cao chất lượng hoạt động tư pháp nói chung và chất lượng áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân. Với việc ban hành Luật hoạt động giám sát của Quốc hội, lần đầu tiên hoạt động giám sát của cơ quan dân cử, cơ quan quyền lực nhà nước cao nhất đã được ghi nhận trong văn bản Luật với các nội dung cụ thể như chủ thể tiến hành giám sát; đối tượng và phạm vi giám sát; cách thức tiến hành giám sát; hiệu quả của hoạt động giám sát v.v... Với các quy phạm pháp luật cụ thể, Luật hoạt động giám sát của Quốc hội là cơ sở pháp lý để Quốc hội tiến hành giám sát các hoạt động của bộ máy nhà nước, trong đó có hoạt động của Tòa án nhân dân và các cơ quan tư pháp. Giám sát do Quốc hội thực hiện là giám sát tối cao đối với toàn bộ hoạt động của Nhà nước. Quốc hội thực hiện quyền giám sát tối cao của mình tại kỳ họp trên cơ sở hoạt động giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội. Giám sát của Quốc hội đối với hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân được thực hiện thông qua việc chất vấn và trả lời chất vấn của Chánh án Tòa án nhân dân tối cao về những vấn đề liên quan đến hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân. Hoạt động giám sát của Ủy ban Thường vụ Quốc hội, Hội đồng dân tộc, các Ủy ban của Quốc hội, Đoàn đại biểu Quốc hội và đại biểu Quốc hội đối với hoạt động xét xử của ngành Tòa án nhân dân được thực hiện thông qua các chương trình giám sát hàng năm hoặc đột xuất nhằm bảo

đảm bảo chất lượng áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử, hạn chế đến mức thấp nhất tình trạng xét xử sai pháp luật, xét xử oan người vô tội và để lọt tội phạm. Trong thời gian tới, việc nghiên cứu, ban hành Luật hoạt động giám sát của Hội đồng nhân dân các cấp và Luật hoạt động giám sát của Mặt trận Tổ quốc Việt Nam và các thành viên của Mặt trận sẽ tạo đủ khung pháp lý cho hoạt động giám sát các cơ quan tư pháp, các cơ quan hành pháp từ trung ương đến cơ sở. Thông qua hoạt động giám sát của cơ quan dân cử và của nhân dân, các văn bản quy phạm pháp luật sẽ được tôn trọng và thi hành nghiêm chỉnh hơn trong hoạt động tư pháp. Bản thân hoạt động tư pháp, trong đó có hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân sẽ được bảo đảm tính đúng đắn và tính hiệu quả, tính pháp chế và tính dân chủ tốt hơn thông qua hoạt động giám sát. Những bản án, quyết định đúng đắn, hợp tình hợp lý, có tính thuyết phục của Tòa án nhân dân các cấp đều được các đại biểu dân cử và nhân dân, công luận đồng tình ủng hộ, khích lệ và hoan nghênh. Qua hoạt động giám sát, các bản án, quyết định của Tòa án nhân dân các cấp có dấu hiệu oan sai, thiếu tính thuyết phục, thiên lệch sẽ được phát hiện để sửa chữa hoặc hủy bỏ kịp thời nhằm hạn chế những tác hại gây ra đối với xã hội.

Vai trò kiểm sát hoạt động xét xử nói riêng và kiểm sát hoạt động tư pháp của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân các cấp cần được tăng cường và coi trọng đúng mức để bảo đảm chất lượng áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân. Hoạt động kiểm sát của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân trong quá trình xét xử của Tòa án nhân dân là hoạt động kiểm tra, giám sát trực tiếp và cụ thể của một cơ quan có chức năng đặc biệt được pháp luật giao quyền nhằm bảo đảm tính pháp chế và tính thống nhất của hoạt động áp dụng pháp luật. Do đó, năng lực kiểm sát của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân và Kiểm sát viên trong hoạt động kiểm sát xét xử có ý nghĩa rất quan trọng đối với việc nâng cao chất lượng xét xử của tòa án. Trình độ, năng lực và kỹ năng kiểm sát của Kiểm sát viên càng cao và sự phối hợp giữa cơ quan Viện kiểm sát nhân dân với cơ quan Tòa án nhân dân càng chặt chẽ thì càng có điều kiện rất tốt và rất thuận lợi cho việc nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân. Từ hoạt động kiểm sát xét xử của cơ quan Viện kiểm sát nhân dân, các vi phạm và những sai sót trong hoạt động tố tụng của Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân sẽ được phát hiện và có những biện pháp khắc phục sửa chữa kịp thời, nhanh nhạy hơn.

Một trong những biện pháp để nâng cao chất lượng xét xử của Tòa án nhân dân là chính Tòa án phải tự tiến hành kiểm tra hoạt động của mình để kịp thời biểu dương những Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân ban hành các bản án, quyết định của Tòa án qua xét xử một cách chính xác, mẫu mực. Đồng thời, qua đó cũng kịp thời chấn chỉnh, uốn nắn, sửa chữa những bản án, quyết định có sai lầm nhằm hạn chế đến mức thấp nhất những ảnh hưởng xấu cho xã hội từ những văn bản áp dụng pháp luật có dấu hiệu oan sai. Hoạt động giám đốc và kiểm tra án cần được tiến hành thường xuyên theo định kỳ hoặc đột xuất với mốc thời gian kiểm tra càng ngắn càng tốt. Sau khi tiến hành kiểm tra các bản án, quyết định của Tòa án, cơ quan Tòa án có thẩm quyền cần phải có kết luận nêu rõ ưu điểm và những nhược điểm, những vi phạm cần rút kinh nghiệm và đề ra biện pháp khắc phục kịp thời. Sự trao đổi trực tiếp, dân chủ trên cơ sở các quy định của pháp luật giữa người kiểm tra và người được kiểm tra, giữa cơ quan có thẩm quyền kiểm tra và đơn vị được kiểm tra là hết sức cần thiết và là những bài học bổ ích cho người Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân để nâng cao kỹ năng áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử. Để thực hiện tốt công tác giám đốc, kiểm tra án của Tòa án nhân dân, Nhà nước và ngành Tòa án nhân dân cần quan tâm bồi dưỡng kỹ năng nghiệp vụ cho lực lượng Thẩm tra viên, chuyên viên trực tiếp làm nhiệm vụ giám đốc kiểm tra. Năng lực kiểm tra và phát hiện những vi phạm pháp luật trong nội dung bản án, quyết định và hồ sơ vụ án của các Thẩm tra viên là yếu tố quyết định chất lượng của công tác giám đốc kiểm tra của Tòa án. Công tác kiểm tra án không chỉ đóng khung trong việc nghiên cứu, đọc bản án, quyết định và hồ sơ vụ án đã xét xử mà còn cần phải quan tâm đến việc tổ chức, điều khiển các phiên tòa xét xử các vụ án của Tòa án. Khi người có thẩm quyền kiểm tra án, kiểm tra chất lượng xét xử đóng vai là người dự phiên tòa sẽ hiểu rất rõ trình độ, năng lực của Thẩm phán qua kỹ năng điều hành phiên tòa, kỹ năng xét hỏi, kỹ năng tổ chức và điều khiển tranh luận, xử lý các tình huống thực tiễn phát sinh... Qua thực tiễn phiên tòa, những điểm mạnh, những điểm yếu, những sai sót trong hoạt động áp dụng pháp luật nội dung và pháp luật tố tụng của những người tiến hành tố tụng sẽ bộc lộ rất rõ nét, giúp cho người có thẩm quyền kiểm tra và Tòa án cấp trên đánh giá chính xác năng lực của Thẩm phán, Hội thẩm Tòa án nhân dân, Thư ký Tòa án và đề ra các biện pháp khắc phục, uốn nắn kịp thời. Với việc mở rộng thẩm quyền xét xử của Tòa án nhân dân cấp huyện, Tòa án nhân dân tối cao càng có điều kiện thuận lợi hơn



trong việc thực hiện công tác kiểm tra, giám đốc án Tòa án nhân dân cấp dưới. Việc kiểm tra án thường xuyên do Tòa án nhân dân tối cao thực hiện đối với Tòa án nhân dân cấp dưới sẽ rất có lợi và rất thiết thực cho việc không ngừng nâng cao năng lực xét xử của Tòa án nhân dân các cấp và góp phần rất quan trọng trong việc nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án nhân dân. Bên cạnh đó, mỗi cơ quan Tòa án nhân dân cần coi trọng nhiệm vụ tự kiểm tra công tác xét xử một cách chủ động và thường xuyên của Tòa án cấp mình, mà không thụ động chờ đợi sự kiểm tra của Tòa án cấp trên. Tất nhiên, muốn thực hiện tốt được việc tự kiểm tra, Tòa án nhân dân các cấp cần đủ số lượng Thẩm phán, cân đối lịch xét xử một cách phù hợp.

Tự mình kiểm tra, tự mình phát hiện những sai lầm và chủ động sửa chữa, rút kinh nghiệm là biện pháp nhanh nhất và tốt nhất để ngành Tòa án nhân dân tránh những bản án, quyết định oan sai trong tố tụng và nâng cao không ngừng chất lượng áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử. Các sinh hoạt chuyên đề, hội nghị tập huấn và rút kinh nghiệm được các cơ quan Tòa án tự tiến hành thường kỳ hay đột xuất là những hình thức sinh hoạt có tác dụng rất tốt trong việc tự kiểm tra, khắc phục những sai sót về nhận thức nội dung điều luật và việc áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử.

Phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh mọi hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động áp dụng pháp luật của cán bộ, công chức ngành Tòa án nhân dân là một biện pháp quan trọng không thể thiếu được trong việc nâng cao năng lực xét xử; bảo đảm chất lượng áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án. Đảng, Nhà nước và nhân dân rất tin tưởng vào hoạt động của ngành Tòa án nhân dân, vào sự phán quyết, phân xử nghiêm minh đúng pháp luật của Thẩm phán và Hội thẩm Tòa án nhân dân; tin vào ý thức chính trị, bản lĩnh nghề nghiệp của người cán bộ Tòa án nhân dân nhưng cũng rất nghiêm khắc và đòi hỏi phải xử lý nghiêm minh, nhanh chóng mọi hành vi vi phạm pháp luật trong hoạt động xét xử để bảo đảm "môi trường" trong sạch, lành mạnh của Tòa án nhân dân. Trong thời gian qua, những hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm diễn ra ngay trong lĩnh vực xét xử của Tòa án khi bị phát hiện từ đơn tố cáo của công dân, từ sự kiểm tra của cơ quan Tòa án và các cơ quan pháp luật khác đều được chính cơ quan Tòa án và các cơ quan pháp luật xử lý nghiêm minh, kịp thời. Điều đó có tác dụng rất lớn đến việc xây dựng và củng cố lòng tin của quần chúng nhân dân vào hoạt động xét xử của ngành Tòa án nhân dân ở nước ta.

Những hành vi vi phạm pháp luật và tội phạm tham nhũng, hối lộ, tiêu cực, thiếu trách nhiệm trong ngành Tòa án được phát hiện kịp thời, xử lý nghiêm minh, công khai và nhanh chóng sẽ trở thành một trong những biện pháp hữu hiệu để nâng cao chất lượng áp dụng pháp luật trong hoạt động xét xử của Tòa án. Bên cạnh việc kiểm tra, xử lý nghiêm minh các hành vi vi phạm pháp luật, ngành Tòa án cần thường xuyên đẩy mạnh công tác giáo dục chính trị tư tưởng, đạo đức cách mạng, đạo đức nghề nghiệp trong toàn ngành, thực hiện tốt lời dạy của Bác Hồ theo thư gửi Hội nghị tư pháp toàn quốc vào tháng 2/1948 như sau: *"Các bạn là những người phụ trách thi hành pháp luật, lẽ tất nhiên các bạn cần phải nêu cao cái gương "phụng công, thủ pháp, chí công, vô tư" cho nhân dân noi theo"*. Công tác giáo dục chính trị tư tưởng được tiến hành thường xuyên sẽ giúp cho người Thẩm phán, cán bộ công chức ngành Tòa án củng cố và nâng cao trình độ giác ngộ cách mạng và ý thức chính trị; giữ vững lập trường tư tưởng và niềm tin vào Đảng, vào sự nghiệp cách mạng, trung thành với Tổ quốc và có cuộc sống liêm khiết, trung thực. Giáo dục đạo đức cách mạng và đạo đức nghề nghiệp sẽ giúp cho người Thẩm phán luôn yêu nghề, tận tâm với công việc, giữ vững phẩm chất tốt đẹp và có ý thức rèn luyện, vươn lên không ngừng trong công tác và trong cuộc sống.

**TTBD ĐBDC**